

Số: /YCBG-BV

Hung Yên, ngày tháng 11 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Biên bản Họp Thường trực Hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện ngày 24/11/2025 về việc thống nhất điều chỉnh thông số kỹ thuật Hệ thống EP trong điều trị rối loạn nhịp tim và Bộ dụng cụ phẫu thuật (Bộ phẫu thuật vi phẫu) mua sắm để triển khai đề án phát triển kỹ thuật cao.

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ triển khai Đề án phát triển kỹ thuật cao, chuyên sâu, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng yêu cầu hội nhập của ngành y tế giai đoạn 2024-2028 (đợt 2) với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

CN. Phạm Thị Hà, số điện thoại liên hệ: 0963.355.618.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Bản ký đóng dấu: Gửi về CN. Phạm Thị Hà – phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, số điện thoại liên hệ: 0963.355.618 (địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

3.2. File mềm gửi vào email: [quanlydauthau.bvdktinhthaibinh@gmail.com](mailto:quanlydauthau.bvdktinhthaibinh@gmail.com) (bao gồm: báo giá, catalog (nếu có), tài liệu kỹ thuật, hồ sơ pháp lý)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 9 giờ 00 ngày 25/11/2025 đến 9 giờ 00 ngày 05/12/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05/12/2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị:

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng mua sắm
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật (Bộ phẫu thuật vi phẫu)	Chi tiết theo Phụ lục đính kèm	Bộ	1
2	Hệ thống EP trong điều trị rối loạn nhịp tim		Hệ thống	1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bảo quản và thực hiện dịch vụ: Tại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.

3. Dự kiến thời gian hoàn thành: 90 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá:

- Báo giá ghi rõ số điện thoại liên hệ của đơn vị hoặc người phụ trách báo giá;

- Giấy tờ gửi kèm bao gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Catalog, hình ảnh sản phẩm;

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT, TCKT, HĐMS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lại Đức Trí**

**PHỤ LỤC CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT**  
(kèm theo Yêu cầu báo giá ngày /11/2025 của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình)

**1. Bộ dụng cụ phẫu thuật (Bộ phẫu thuật vi phẫu)**

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Cán dao mổ số 4	Cái	1	Cán dao mổ, số 4, dài $\geq 135$ mm
2	Cán dao mổ số 3	Cái	1	Cán dao mổ, số 3, dài $\geq 120$ mm
3	Cán dao mổ số 4L	Cái	1	Cán dao mổ, số 4L, dài $\geq 210$ mm
4	Róc tách và nâng vách ngăn	Cái	1	Róc tách và nâng vách ngăn, thẳng, hai đầu $\geq 4$ mm, dài $\geq 180$ mm
5	Nạo xương	Cái	1	Nạo xương, đầu nạo cong vát, rộng $\geq 6$ mm, dài $\geq 175$ mm
6	Dụng cụ bóc xương	Cái	1	Dụng cụ bóc xương, cong, lưỡi rộng $\geq 18$ mm, dài $\geq 185$ mm
7	Thìa nạo xương	Cái	1	Thìa nạo xương, đường kính từ 2.8 đến dưới 4.5mm, dài $\geq 170$ mm
8	Thìa nạo xương	Cái	1	Thìa nạo xương, đường kính $\geq 4.5$ mm, dài $\geq 170$ mm
9	Nhíp mô 160mm	Cái	1	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, ngàm chuẩn, có răng (1x2), dài 160mm
10	Nhíp mô 180mm	Cái	1	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, ngàm chuẩn, có răng (1x2), dài 180mm
11	Nhíp phẫu tích	Cái	1	Nhíp phẫu tích, ngàm có khía, dài từ 130mm đến dưới 200mm
12	Nhíp phẫu tích	Cái	1	Nhíp phẫu tích, thẳng, ngàm có khía, dài $\geq 200$ mm
13	Kẹp phẫu tích	Cái	1	Kẹp phẫu tích, thẳng, ngàm răng cưa, dài $\geq 120$ mm
14	Ống hút	Cái	1	Ống hút, loại trung bình, cong, dài $\geq 180$ mm, đường kính $\geq 4.0$ mm, chiều dài hoạt động $\geq 110$ mm
15	Ống hút	Cái	1	Ống hút, dài $\geq 180$ mm, chiều dài hoạt động $\geq 110$ mm, đường kính từ 2.50mm đến <4mm
16	Ống hút	Cái	1	Ống hút, đường kính $\geq 1.5$ mm, chiều dài làm việc $\geq 150$ mm

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
17	Banh tự giữ	Cái	1	Banh tự giữ, 4 x4 răng, nhọn, cong, có khóa cài, dài $\geq 190\text{mm}$
18	Kéo phẫu tích	Cái	1	Kéo phẫu tích mảnh, thẳng, mũi tù/tù, cán vàng, dài từ 180mm đến dưới 260mm
19	Kéo phẫu tích	Cái	1	Kéo phẫu tích, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài $\geq 260\text{mm}$
20	Kéo phẫu tích	Cái	1	Kéo phẫu tích, mảnh, cong, mũi tù/tù, dài $\geq 175\text{mm}$
21	Kéo vi phẫu	Cái	1	Kéo vi phẫu, thẳng, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, cán có lỗ, dài 200mm
22	Kẹp mang kim	Cái	1	Kẹp mang kim, đầu thẳng, cán vàng, ngàm phủ, bước răng $\geq 0.40\text{mm}$ , dùng cho chỉ 4/0-6/0, ngàm có khóa, dài $\geq 150\text{ mm}$ , chất liệu thép không gỉ
23	Kẹp mang kim	Cái	1	Kẹp mang kim, đầu thẳng, cán vàng, ngàm răng cưa, bước răng $\geq 0.50\text{mm}$ , dùng cho chỉ tới 4/0, dài $\geq 200\text{mm}$ , khóa tay cầm linh hoạt, chất liệu thép không gỉ
24	Dụng cụ găm cột sống	Cái	1	Dụng cụ găm cột sống, bề mặt phủ lớp mạ cứng, cong lên $40^\circ$ , có bộ phận đẩy mô, tháo rời được, dài $\geq 180\text{mm}$ , ngàm rộng $\geq 3\text{mm}$ .
25	Kẹp kim vi phẫu	Cái	2	Kẹp kim vi phẫu, cong, cán hình lưỡi lê, cán có lỗ, đầu lưỡi $\geq 5\text{mm}$ , dài $\geq 240\text{mm}$
26	Vén rãnh thần kinh	Cái	1	Vén rãnh thần kinh số 4, gập góc $90^\circ$ , dài $\geq 185\text{mm}$
27	Banh vén rãnh thần kinh số 1	Cái	2	Banh vén rãnh thần kinh, thẳng, số 1, dài $\geq 200\text{mm}$
28	Banh vén rãnh thần kinh số 3	Cái	2	Banh vén rãnh thần kinh, gập góc $90^\circ$ , số 3, dài $\geq 110\text{mm}$
29	Kẹp mạch máu	Cái	1	Kẹp mạch máu mảnh, thẳng, 1x2 răng, ngàm có khóa, dài $\geq 120\text{ mm}$

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
30	Kẹp mạch máu	Cái	2	Kẹp mạch máu mảnh, cong, ngầm có khóa, dài $\geq 120$ mm
31	Kẹp sãng	Cái	6	Kẹp sãng cong, đầu nhọn, dài $\geq 110$ mm
32	Vén rỗ thần kinh	Cái	1	Vén rỗ thần kinh số 1, gập góc 90 độ, dài $\geq 185$ mm
33	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Cái	2	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 1/1
34	Hộp hấp tiệt trùng	Bộ	2	Hộp hấp tiệt trùng, dùng đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 1/1. Bộ đầy đủ bao gồm: - Nắp hộp - Đáy hộp không có lỗ thoát khí - Lẫy khóa mở nắp.
35	Dụng cụ phẫu tích thần kinh	Cái	1	Dụng cụ phẫu tích thần kinh, cong nhẹ, đầu tù $\geq 3.2$ mm, cán tròn, dài $\geq 205$ mm
36	Kìm găm xương	Cái	1	Kìm găm xương cong, hoạt động đôi, dài $\geq 180$ mm
37	Dụng cụ róc xương	Cái	1	Dụng cụ róc xương, cong, đầu nhọn, dài $\geq 175$ mm, đầu rộng $\geq 4,50$ mm
38	Thìa nạo xương	Cái	1	Thìa nạo xương, nhỏ, số 1 hoặc số 2, đầu rộng $\geq 4.8$ mm, dài $\geq 210$ mm
39	Ống thông	Cái	1	Ống thông, đường kính $\geq 2.5$ mm, dài $\geq 100$ mm
40	Ống thông	Cái	1	Ống thông, thẳng, đường kính $\geq 1.0$ mm, dài $\geq 27$ cm
41	Vén sọ	Cái	1	Vén sọ, đầu tù, kích thước đầu $\geq 3$ mm, dài $\geq 200$ mm
42	Móc vi phẫu 1.1mm	Cái	1	Móc vi phẫu gập góc 90 độ, mũi tròn, dài $\geq 185$ mm
43	Móc vi phẫu 0.8mm	Cái	1	Móc vi phẫu gập góc 90 độ, mũi tròn, dài $\geq 185$ mm

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
44	Dao có đầu gấp góc 30 độ	Cái	1	Dao, đầu gấp góc, tay cầm tròn, dài $\geq 230\text{mm}$
45	Dao vi phẫu	Cái	1	Dao vi phẫu, đầu vát, dài $\geq 185\text{mm}$
46	Kéo vi phẫu	Cái	2	Kéo vi phẫu thẳng, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, cán có lỗ, dài $\geq 225\text{mm}$
47	Nhíp vi phẫu	Cái	2	Nhíp vi phẫu, thẳng, đầu nhọn, đường kính $\geq 0.3\text{mm}$ , dài $\geq 150\text{mm}$
48	Kéo cắt chỉ vi phẫu	Cái	1	Kéo cắt chỉ vi phẫu, đầu cong, mũi nhọn/nhọn, cán tròn, dài $\geq 180\text{mm}$
49	Dụng cụ phẫu thuật sọ não	Cái	1	Dụng cụ phẫu thuật sọ não, đầu gấp góc, mũi nhọn, dài $\geq 230\text{mm}$
50	Dụng cụ gấp đĩa đệm	Cái	1	Dụng cụ gấp đĩa đệm, thẳng, dài $\geq 200\text{mm}$ , ngàm rộng $\geq 3\text{ mm}$
51	Dụng cụ găm cột sống	Cái	1	Dụng cụ găm cột sống kiểu chuẩn, cong lên $40^\circ$ , có bộ phận đẩy mô, kích thước đầu $10\text{mm}$ , tháo rời được, dài $\geq 230\text{mm}$ , ngàm rộng $\geq 3\text{mm}$
52	Ống hút vi phẫu 2.3mm	Cái	1	Ống hút vi phẫu đường kính 2.3mm /Charr. 7, chiều dài làm việc $\geq 110\text{mm}$
53	Ống hút vi phẫu 2mm	Cái	1	Ống hút vi phẫu đường kính 2mm/Charr. 6, chiều dài làm việc từ 115mm đến $<165\text{mm}$
54	Ống hút vi phẫu 2mm	Cái	1	Ống hút vi phẫu đường kính 2mm/Charr. 6, chiều dài làm việc $\geq 165\text{mm}$
55	Banh nã tự giữ	Bộ	1	Banh nã tự giữ, bộ hoàn chỉnh, cố định vào bàn mổ, tay cầm linh hoạt, bao gồm: Khớp nối thanh cố định dụng cụ với thành bên bàn mổ Thanh giữ để cố định vào khớp bi và khớp nối Đầu nối với 1-5 tay giữ dụng cụ

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
56	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật sọ não	Cái	1	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật sọ não
57	Vén não 8mm	Cái	1	Vén não, dễ uốn, dài $\geq 155$ mm, lưỡi rộng 8mm
58	Vén não 11mm	Cái	1	Vén não, dễ uốn, dài $\geq 155$ mm, lưỡi rộng 11mm
59	Vén não 14mm	Cái	1	Vén não, dễ uốn, dài $\geq 155$ mm, lưỡi rộng 14 mm
60	Vén não 17mm	Cái	1	Vén não, dễ uốn, dài $\geq 155$ mm, lưỡi rộng 17 mm

## 2. Hệ thống EP trong điều trị rối loạn nhịp tim

<b>I. Yêu cầu chung:</b>
- Chất lượng máy: mới 100%.
- Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau.
- Nguồn điện: 220 – 240V/ 50 – 60Hz.
- Xuất xứ máy chính: G7/EU.
- Bộ thu nhận xử lý tín hiệu đầu vào, Máy đốt năng lượng tần số radio: Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).
<b>II. Yêu cầu cấu hình</b>
<b>1. Hệ thống ghi nhận điện sinh lý buồng tim được tích hợp máy kích thích tim: 01 hệ thống. Bao gồm:</b>
- Bộ thu nhận xử lý tín hiệu đầu vào: 01 bộ.
- Module hoặc máy kích thích tim: 01 bộ.
- Bộ máy tính xử lý tín hiệu khuếch đại điện sinh lý: 01 bộ.
- Màn hình hiển thị: 03 cái.
- Màn hình điều khiển kích thích: 01 cái.
- Máy in: 01 cái.

- Bàn đặt thiết bị đồng bộ: 01 cái.
- Phụ kiện kèm theo hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 01 bộ.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ.
<b>2. Máy đốt năng lượng tần số radio: 01 cái. Bao gồm:</b>
- Máy chính: 01 bộ.
- Bàn đạp chân điều khiển: 01 cái.
- Tấm điện cực bệnh nhân kèm cáp: 01 cái.
- Dây nối đất chống nhiễu: 01 cái.
<b>3. Bơm truyền: 01 cái.</b>
<b>III. Yêu cầu tính năng kỹ thuật</b>
<b>1. Hệ thống ghi nhận điện sinh lý buồng tim và máy kích thích tim:</b>
- Kênh nhận tín hiệu: $\geq 120$ kênh đơn cực nhận tín hiệu qua catheter buồng tim
- Hệ thống có chức năng ghi và hiển thị:
+ Điện tâm đồ bề mặt (ECG) 12 chuyển đạo.
+ Có tín hiệu điện sinh lý tim.
+ Có tín hiệu nhịp tim.
- Máy kích thích tim có thể điều khiển bằng màn hình cảm ứng và bàn phím.
- Phần mềm có các chức năng:
+ Các giao thức có thể lập trình.
+ Hiển thị các tín hiệu điện tim theo thời gian.
+ Có thể xem lại quy trình và dữ liệu điện đồ trong và sau ca.
+ In báo cáo.
+ Lưu trữ dữ liệu vào hệ thống máy tính.
+ Chia sẻ dữ liệu, kết nối với cơ sở dữ liệu hồ sơ y tế điện tử của bệnh viện
<b>2. Bộ thu nhận xử lý tín hiệu đầu vào :</b>
- Các kênh đầu vào:
+ Kênh tín hiệu qua điện cực đơn cực: $\geq 120$ kênh.

+ Đầu vào tín hiệu tương tự: <b>≥3 kênh</b>
+ Đầu vào (Kênh dò) kích thích điện tim: <b>≥1 kênh</b>
+ Điện tâm đồ bề mặt ECG: 12 chuyển đạo.
+ Kênh tạo nhịp kích thích buồng tim: <b>≥ 4 kênh</b>
- Các kênh đầu ra:
+ Đầu ra tín hiệu tương tự: <b>≥4 kênh.</b>
- Các thông số về điện học:
+ Trở kháng đầu vào: <b>≥ 2.5 MΩ.</b>
- Các bộ lọc: Có các bộ lọc thông cao và thông thấp,
- Lọc nhiễu xoay chiều:
+ Có thể bật tắt.
+ Tần số lọc: <b>≥ 50Hz</b>
<b>3. Module hoặc Máy kích thích tạo nhịp tim</b>
- Số kênh cách ly: <b>≥ 3 kênh.</b>
- Màn hình điều khiển cảm ứng
- Biên độ xung:
+ Phạm vi dòng điện từ: 0.1 đến <b>20 mA</b>
- Thời gian xung:
+ Phạm vi: từ 0.5 ms đến 10 ms
- Số giao thức được lập trình sẵn: <b>≥9 giao thức.</b>
- Các chức năng tạo nhịp khẩn cấp:
+ Độ dài chu kỳ: <b>≥ 600ms</b>
+ Dòng điện không đổi: <b>≥ 5mA.</b>
+ Thời gian phát xung: <b>≥ 2ms.</b>
- Kích thích chương trình đồng thời: <b>≥ 1 kênh đồng thời.</b>
- Bộ máy tính xử lý tín hiệu khuếch đại điện sinh lý
<b>4. Màn hình hiển thị:</b>
- Màn hình LCD hoặc LED: <b>≥ 24 inch.</b>
<b>5. Màn hình điều khiển kích thích</b>
- Màn hình LCD hoặc LED
<b>6. Máy in</b>
<b>7. Xe đẩy, bàn đặt thiết bị</b>

- Bàn đặt thiết bị đồng bộ theo máy
Phụ kiện kèm theo hệ thống tối thiểu bao gồm:
- Máy biến thế cách ly: $\geq 02$ cái.
- Bộ cáp điện tim: $\geq 12$ kênh.
- Các loại cáp kết nối
<b>8. Hệ thống cắt đốt năng lượng bằng tần số radio</b>
<b>9. Máy đốt năng lượng bằng tần số radio</b>
- Có màn hình
- Màn hình hiển thị <b><math>\geq 4</math> thông số</b> (có ít nhất: công suất, nhiệt độ, trở kháng, thời gian đốt)
- Có thể kết nối với máy bơm truyền dịch lạnh
- Có $\geq 2$ chế độ điều khiển
+ Điều khiển nhiệt độ
+ Kiểm soát công suất
- Công suất đầu ra tối đa: $\geq 100W$
- Dải theo dõi trở kháng : bước điều chỉnh $1\Omega$
- Dải theo dõi nhiệt độ tối thiểu lên đến: 85 độ C, bước điều chỉnh: 1 độ C
- Thời gian phát sóng RF: tối thiểu trong khoảng 1 đến 999s, bước điều chỉnh: 5s
<b>10. Bàn đạp chân điều khiển</b>
- Bàn đạp chân kết nối trực tiếp máy đốt bằng cáp kết nối, chiều dài cáp kết nối $\geq 2.5$ m.
<b>11. Máy bơm làm mát</b>
- Có màn hình hiển thị.
Có $\geq 2$ chế độ báo động:
+ Phát hiện Có bọt khí (Bong bóng)
+ Cửa máy chưa đóng kín (Cửa mở)
- Nguyên lý bơm: Nhu động
- Lưu lượng truyền dịch: $\geq 2$ chế độ
+ Tốc độ cao: tối thiểu trong khoảng 6 đến 30 ml/phút
+ Tốc độ chờ(thấp): tối thiểu trong khoảng 1 đến 5 ml/phút

**Mẫu báo giá cung cấp hàng hóa, dịch vụ****BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>****Kính gửi:** Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

<b>STT</b>	<b>Danh mục thiết bị y tế<sup>(2)</sup></b>	<b>Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất<sup>(3)</sup></b>	<b>Mã HS<sup>(4)</sup></b>	<b>Năm sản xuất<sup>(5)</sup></b>	<b>Nước sản xuất<sup>(6)</sup></b>	<b>Số lượng/Khối lượng<sup>(7)</sup></b>	<b>Đơn giá<sup>(8)</sup> (VND)</b>	<b>Chi phí cho các dịch vụ liên quan<sup>(9)</sup> (VND)</b>	<b>Thuế, phí, lệ phí (nếu có)<sup>(10)</sup> (VND)</b>	<b>Thành tiền<sup>(11)</sup> (VND)</b>
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	.....									
<b>Tổng cộng</b>										

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.
- Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;
- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá, không nâng khống giá;
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin trên.

....., ngày .... tháng ... năm 2024

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))*

***Ghi chú:***

- (1) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.*
- (2) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.*
- (3) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.*
- (4) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*
- (5), (6) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.*
- (7) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*
- (8) *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.*

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.